

# TRUNG QUÁN LUẬN SỚ

## QUYỂN 6 (Phần 1)

### PHẨM TÁC GIẢ THỨ TÁM

Từ trước đến đây, một vòng của bảy phẩm, tóm tắt phá “nhân”, “pháp”, nói về hạnh quán của Đại thừa.

Từ đây trở xuống, là mười phẩm lại phá “nhân”, “pháp”, nói về hạnh quán của Đại thừa.

Lược phá vì người căn cơ nhạy bén; nói “lại phá” là vì người căn chậm lụt, mà nói.

Hỏi: “Làm sao biết trước là tóm tắt phá, nay lại phá ư?”

Đáp: “Vì hai văn trước, sau chứng biết có thuyết hai vòng. Hai bài kệ ở cuối phẩm ba tướng có ba đôi:

1) Một bài kệ rửa sạch hữu vi, vô vi, thể của tất cả pháp.

2) Một bài kệ phá hữu vi, vô vi, tất cả danh tự. Danh, thể đã “không”, thì “nhân”, “pháp” đều “không”, nên là một vòng.

3) Một bài kệ nói pháp không có từ đâu, tức môn pháp thuyết, để phá.

Một kệ nêu dụ, nghĩa là môn thí dụ để phá, pháp thí đã viên mãn, tức là một vòng rất ráo.

Tiếp theo một bài kệ kết lý do luận phá không có ba tướng, một bài kệ nói về lý do kinh nói có ba tướng.

Đã giải thích vì luận hội ý kinh, nên là một vòng rất ráo.

Văn sau chứng: Văn xuôi nêu: “Từ trước đến đây, mỗi phẩm phá tất cả pháp đều không có thừa. Vì tâm chấp mắc của ông sâu nặng, nên nay sẽ nói lại, đã có lời nói lại, tức biết chắc chắn là một vòng phá.

Sở dĩ phá tác, tác giả, là vì tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, đều nói là có người thiện, ác, vô ký, gây ra nghiệp thiện, ác, vô ký. Nay, kiểm nghiệm không có ba người tạo ba nghiệp; thể ngộ vô sinh, rất ráo là “không”, được giải thoát. Với ý này, mỗi phẩm đều sử dụng chung. Mười phẩm được chia làm hai:

Bốn phẩm đầu, chánh là phá “nhân”, phụ là phá “pháp”. Sáu phẩm kế, chánh là phá “pháp”, phụ là phá “nhân”.

Sở dĩ như vậy là vì:

1) Dựa theo thứ lớp của môn quán, vì “nhân” vô sinh dễ được. Đầu tiên, chánh là phá “nhân”. Vì “pháp” vô sinh khó được, nên phá pháp sau.

2) Vòng này vì người căn chậm lụt, nên trước phá “nhân”; sau phá “pháp”. Lại, hai vòng hiển hiện lẫn nhau: vòng trước, chánh là phá pháp; phụ phá “nhân”. Người nội học căn cơ nhạy bén, phần nhiều biết không có “nhân”, ít biết không có “pháp”. Lại, người nội học phần nhiều chấp “pháp”; ít chấp “nhân”. Trong mười tám bộ, chỉ có Độc tử chấp “nhân”. Lại, vòng trước, từ gốc đến ngọn, nên phá “pháp” trước; pháp là gốc của “nhân”. Vòng sau, từ ngọn đến gốc, “nhân” là ngọn của “pháp”, vẫn hiển hiện lẫn nhau. Lại, vòng trước, y cứ theo thứ lớp của môn “thuyết”, đa số từ sâu đến cạn. Môn sau, y cứ thứ lớp của môn “hành”, từ cạn đến sâu. Bốn phẩm phá “nhân”; sáu phẩm phá “pháp”, vì “nhân” dễ, “pháp” khó.

Tác, tác giả: là phá công dụng của “nhân”, “pháp”. Phẩm Bản trụ, phá “thể” của “nhân”, “pháp”. Phẩm Nhiên, Khả nhiên, nêu dụ, hợp, phá dụng của thể. Phẩm Bản Tế, nghiên cứu về cội nguồn của “nhân”, “pháp”, nên 4 phẩm chánh phá “nhân”, phụ phá “pháp”. Lại, phẩm đầu phá chung “tức”, “li” hai “ngã”, nhưng phá “tức” là chánh, như Tiên-ni chấp tác giả tức ấm, phẩm kế chính là phá chấp “ngã” “li” ấm. Phẩm nhiên, khả nhiên phá chung “tức”, “ly”, cũng tức, ly, nắm quan điểm như thế.

Phẩm Bản Tế giải thích nghi. Người ngoài nghi: “Nếu 3 phẩm nói “không” “nhân”, “pháp”, không có kinh Bản Tế, vì sao nói “có”? gọi là giải thích nghi.”

Hỏi: “Vì sao kế sau phẩm ba tướng, là phá tác, tác giả ư?”

Đáp: “Trên, đã phá hữu vi, vô vi, tất cả đều “không”, người ngoài nói: “Ba tướng là hữu vi”. Vì hữu vi gọi khởi tác, nên nêu tác, tác giả để chứng minh “có” ba tướng, đây là ý phụ phá.

Nói ý chánh phá: Từ phẩm Nhân Duyên đến phẩm năm ấm, phá các pháp “có”, nói môn “Không” Giải Thoát. Từ phẩm Lục chủng đến phẩm ba tướng, đều tìm tất cả tướng không thể được, gọi môn vô tướng giải thoát. Từ cuối phẩm này xong, cuối 1 luận, tìm tác giả không thể được, nói môn vô tác giải thoát, nên tiếp theo, cuối phẩm ba tướng, là phá tác, tác giả.”

Người ngoài nói: “Nếu phẩm ba tướng nói hữu vi, vô vi, tất cả “không”, nay hiện tại đang tạo tác thi vi, sao lại nói tất cả “không” ư?” Người ngoài cho rằng, có chúng sinh sáu đường là “tác giả”; thân, miệng, ý là tác pháp được dùng khởi ba nghiệp tội, phước, bất động, gọi là tác nghiệp, được khổ, vui sáu đường, gọi là quả báo. Người ba thừa là tác giả; thân, miệng, ý là pháp được dùng khởi lên nghiệp ba thừa là tác nghiệp; được quả ba thừa là quả báo, hiện thấy chín đường như thế, sao lại nói rốt ráo “không” ư?

Lại, theo thứ lớp ba “không”: Trước, nói môn “không” rồi. Luận chủ khen ngợi “không”, nói môn Vô tướng, nói rằng không chấp tướng “không”. Nay, nói vô tác, chính là nói Bồ-tát sinh tâm, động niệm, tức là tác nghiệp, nghĩa là có tạo ra “không”, “vô tướng” để quán, thì Bồ-tát là “tác giả”; thực hành quán này được Phật đạo là quả báo. Vì thế, nên một môn này có thể cùng dưới, cực trên. Cực trên, nghĩa là từ Pháp Vân trở lên, cực dưới, nghĩa là phá mọi tạo tác, thi vi của thế gian đều không thể được.

Hai mươi bảy phẩm lập danh có bốn:

- 1) Từ “pháp” được tên, như phái ấm tình.
- 2) Từ “nhân” được tên, như phẩm Bản trụ v.v....
- 3) Từ thí dụ đặt tên, như phẩm Nhiên, khả nhiên.
- 4) “Nhân”, “pháp” hợp gọi, như phẩm Tác, Tác giả.”

Hỏi: “Tác, tác giả; nhiễm, nhiễm giả, so với phẩm này có khác gì?”

Đáp: “Nhiễm, nhiễm giả chỉ là ý địa. Chỉ nói bất thiện. Tác, tác giả, chung cho ba nghiệp ba tánh. Lại, pháp nhiễm, người nhiễm, chỉ là môn phiền não. Phẩm Tác, tác giả nói về môn nghiệp. Lại, pháp nhiễm, người nhiễm, dẫn kinh lập nghĩa, Phẩm Tác tác Giả dẫn việc để lập nghĩa nói là hiện nhận thấy việc tạo tác, thi vi.”

Hỏi: “Nay, phá tác, tác giả so với tác, tác giả trong mười sáu tri kiến có gì khác nhau không?”

Đáp: “Mười sáu tri kiến chỉ là phá nghĩa ngoại đạo. Nay, trong đây phá chung thế gian, ngoại đạo, Tiểu thừa, Đại thừa. Thân, miệng, ý, một mảy may vì tâm có đối tượng chứng đắc, có đối tượng tạo tác, đều xếp vào môn này, để phá.”

Hỏi: “Vì sao phá tất cả tạo tác ư?”

Đáp: “Kinh Đại phẩm nói: “Bồ-tát có hai nghiệp thô, tế. Nếu thấy có thân, miệng, ý thì gọi là nghiệp thô; không được thân, miệng, ý gọi là nghiệp vi tế. Bồ-tát đã lìa nghiệp thô, nay vì muốn nói về nghiệp

thanh tịnh của Bồ-tát, nên phá tất cả tạo tác, thi vi có sở đắc.

Hai là, kinh Niết-bàn nói: “Kỳ-bà nói với vua A-Xà-Thế: “Nếu Đại vương được nghe Phật nói không có tạo tác, không có cảm thọ, thì tội nặng của đại vương chắc chắn sẽ được thanh tịnh.”

Không có tác giả: Là Không có “người” tác; không có “pháp” tác. Không có thọ giả: là không có người thọ, không có pháp thọ.

Lại, trong kinh lược nêu người căn cơ nhạy bén, liền hiểu, tội nặng đời mạt, thì Luận chủ phá rộng.

Cho nên phẩm này đầu tiên, là nói không có tác, tác giả; sau, là nói không có thọ, thọ giả, tức là pháp sám hối thanh tịnh của các kinh Phương Đẳng v.v..., Bồ-tát bốn y thương xót chúng sinh tạo tội trong đời mạt, nên chỉ bày đại sám Phương Đẳng của Phật mười phương. Phẩm được chia làm hai:

- 1) Văn xuôi nêu lý do phá, lập
- 2) Bản kệ chính là nói về phá.

Trong phần đầu trước hỏi, kế là đáp.

Hỏi, là không bị trước phá mà lại lập. Đáp, tức trình bày “phá” trước, không nhận “lập” sau.

Trong lập nói: “Hiện đang có tác, tác giả, có tác pháp đã sử dụng.

Từ trước đến đây, đã phá ngang, dọc việc không có chi không khắp. Người ngoài không có lời lẽ nào có thể hồng bào chữa, chỉ còn có cách nêu việc mà mắt hiện thấy để hỏi. Nếu các pháp đều rất ráo không, thì sẽ “không có” việc hiện thật để thấy. Đã có việc hiện hữu để thấy, thì sao rất ráo không được? tức vì họ không tin vào cách phá trước, nên lại lập. Lại, như người tu quán vô sinh, vì công sức nông cạn, nên quán vô sinh thường không hiện ở trước, mà việc trái ngược lại thường hiện, nên nêu sự hiện tại để hỏi.

Tác là nghiệp, gồm ba điều:

- 1) Chủ thể tác động quả sau.
- 2) Là đối tượng tạo tác của con người.
- 3) Thể là khởi tạo tác.

Nên gọi là tác.

Tác giả, cũng có ba nghĩa:

- 1) Thể là pháp khởi tác.
- 2) Tạo nên quả trước.
- 3) Có khả năng tạo tác các nghiệp.  
nên gọi tác giả.

Tác pháp được dùng có hai:

1) Pháp nội: Tay, chân, có đối tượng tác động, nên gọi là sử dụng, (cái được dùng).

2) Ngoài, tra xét đủ, như tay người viết chếp, phải dùng bút, nên bút là pháp được dùng. Hai thứ này là nhân, chữ viết là quả”

Đáp: Trình bày trước pháp không chấp nhận sau lập. “Vì muốn bày một vòng trước để phá đã xong.

2/ Vì muốn dùng môn trước để phá sau.

3/ Chỉ rõ căn cơ chậm lụt, “không” mà lập “có”.

Trong đáp có hai:

Đầu tiên, là đoạt, kế là, tưng, đoạt tác, tác giả. Đã nhập vào hữu vi, vô vi để phá: “Ngã” thường, khắp của ngoại đạo, nhập vào vô vi, để phá ngã vô thường nhập vào hữu vi để phá. Lại, ngoại đạo có thân thường, thân tác. Nội đạo có sinh tử, “nhân”, “pháp” hữu vi; Phật địa có “nhân” “pháp” vô vi, đều xếp vào hai môn này để phá.

“Tâm chấp mắc sâu nặng của ông v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá buông thả.

Y cứ “pháp”, thì đã “không”. Dựa vào tình trái ngược cho là “có”, cho nên phá “có”, “không”.

Mười hai kệ được chia làm hai: mười một kệ đầu, phá tác, tác giả, tức là phá “nhân”, “pháp” trong nhân. Một bài kệ tiếp theo là, phá thọ, người thọ, nghĩa là phá “nhân”, “pháp” trong quả. “Nhân”, “pháp” của nhân quả đã “không”, thì tất cả đều không.

Lại, đầu tiên phá tác, tác giả, nghĩa là phá dụng của “nhân”, “pháp”. Sau phá thọ, thọ giả, nghĩa là phá “thể” của “nhân”, “pháp”. Dưới đây nói: “Thọ, gọi là năm ấm. Ấm là “thể” của pháp. Nếu Thể, dụng nghiêng một bên thì tất cả là không.

Trong phá tác, tác giả, có hai:

1) Phá chấp có “nhân”, “pháp”.

2) Phá chấp không có “nhân”, “pháp”.

Y cứ nghĩa trong phá “nhân”, “pháp” có năm.

Vấn bốn, nghĩa năm:

1) “Nhân”, “pháp” đều “có” không có nghĩa tương tác.

2) “Nhân”, “pháp” đều “không” cũng không có tương tác.

3) Nửa có, nửa không, cũng “không” tương tác.

4) Một “có”, một “không” cũng “không” tương tác.

5) “Nhân” một, “pháp” ba; “nhân” ba, “pháp” một, cũng không có tương tác.

Dùng năm môn này, để xem xét tận cùng các nghĩa tạo tác cuối cùng, không có buông thả, tức giải thích môn vô tác trong kinh. Lại, là phá tất cả nghĩa tạo tác của người ngoài một cách cùng tận.

Vấn bốn là:

- 1) Môn thật “có”, thật “không”.
- 2) Môn nửa “có”; nửa “không”.
- 3) Môn một “có”, một “không”.
- 4) Môn một, ba.

Một môn đầu có sáu kệ, lại chia làm hai: trước, có một kệ nêu môn chương. Kế là, có năm kệ giải thích môn chương:

Nửa trên của kệ đầu, nói “nhân”, “pháp” đều “có” nghĩa vô tác.

Nửa bài kệ dưới, nói “nhân”, “pháp” đều “không”, cũng không có nghĩa tác.

Câu đầu của nửa bài kệ trên, nói nhất định “có” “nhân”, tức bốn ngoại đạo: như Tăng-khư v.v.... Phật pháp có Độc Tử, phái Thí dụ, sư Thành Thật, nói thể giả có, dụng giả có v.v....

Câu kế là, nêu phá đã quyết định có “nhân”, “nhân” không tạo nghiệp quyết định. Nghiệp quyết định trong, ngoài có chung, mà chính là Tát-bà-đa vị lai vốn có nghiệp thiện, ác v.v.... Cuối cùng không còn cần “người” tạo tác. Lại, nay, bất luận vị lai, nói thẳng thật có “thể” của “nhân”, thể của nghiệp, không có nghĩa tác.

Nửa bài kệ dưới, câu đầu nhắc lại không có “người”; câu kế là, nêu phá.

Hỏi: “Ở đây chấp không có người, hay chấp người vô vi?”

Đáp: “Chẳng phải chấp không có người, mà chỉ nói “thể” của người là không có năng lực khởi tác nghiệp”.

Hỏi: “Ai chấp “thể” của người là “không” mà có tác nghiệp ư?”

Đáp: “Nếu chấp con người là “có”, thì gọi là “có”; chấp người là “không” thì gọi là “không”. Lại, thể giả có là chấp người giả có; “thể” “không”, là chấp người là “không”. Lại, Độc Tử chấp người có; là Tát-bà-đa, nói người là “không”, chỉ có giả danh, mà gọi là người tạo ra nghiệp.

Lại, nửa bài kệ trên nói không nhân nghiệp có “người”; không nhân người mà có nghiệp, nên không có tương tác.

Nửa bài kệ dưới, nói do nghiệp mà có con người; do người có nghiệp, tức là người, nghiệp đều không có tự “thể”, vì không có người, nghiệp, nên không có tương tác.”

Hỏi: “Làm sao biết chấp “có” là “người”; chấp “không” là người

ư?”

Đáp: “Phẩm Diên Đảo nói: “”Ngã”, “pháp” vì “có”, “không”, việc này cuối cùng không thành, nên biết chấp người là “có”, “không”.

Bài kệ thứ hai trở đi, là phần thứ hai, giải thích môn chương, được chia làm ba:

1) Một bài kệ giải thích môn chương.

2) Một bài kệ chỉ rõ “nhân”, “pháp” đều “có”, tức là rơi vào lỗi “vô nhân”.

3) Ba bài kệ giải thích lỗi vô nhân:

Nửa trên của kệ đầu, phá nhất định “có” nghiệp.

Nửa bài kệ dưới phá nhất định “có” “người”, nhất định có thể của nghiệp, có hai lỗi:

a) Nếu thật có “thể” của nghiệp, thì xưa nay đã có, không được nói vốn chưa tạo tác, nay mới tạo tác, thì thế gian chỉ có nghiệp cũ, không có nghiệp mới.

b) Xưa nay “đã có”, thì không cần người khởi, nên lại có lỗi lìa người.

Nửa bài kệ dưới cũng có hai:

1) Đã xưa nay có tác giả, thì, không nên lại có tạo tác?

2) Xưa nay “đã có”, thì không cần tạo nghiệp để thành người. Phải tinh tế nhận lấy ý văn, có một mảy may “thể” của nghiệp, thì nghiệp sẽ có hai lỗi có một mảy may thể của người thì người có hai lỗi. Sao là một mảy may “thể” của người, tức là xưa nay “đã có”, không cần duyên hợp mà thành, cũng không cần duyên lìa mà diệt, nên người này là thường, tức là thường đã tạo tác xong, đâu cần tạo tác nữa? Lại, đâu cần nghiệp mà thành ư? Hai lỗi của nghiệp cũng vậy.”

Văn xuôi, đầu tiên, là giải thích bản kệ:

Từ “không quyết định v.v... trở xuống, là biểu thị Luận chủ không có ý phá “nhân”, “pháp” đều “không”. Cả hai đều là “có”, “có” còn không có tạo tác. Cả hai đều là “không”, “không” thì làm gì tạo tác? Vì thế, nên không cần phải phá “không”. “Lại nữa, nếu nhất định có tác giả v.v... trở xuống, là phần thứ hai, lại chỉ rõ “nhân”, “pháp” đều có, sẽ rơi vào lỗi vô nhân, tức là bốn đôi của chương đầu. Nếu có người, có thể người, có pháp, có thể pháp. Có người có thể người; người không do pháp. Có pháp, có thể pháp; pháp không do con người, nên người là tự người; pháp là tự pháp, nên gọi vô nhân. Tuy nhiên, phải dùng tâm vì tế mà quán, ý văn, nếu có một mảy may thể của người, thì không do pháp; pháp cũng vậy. Như thế, dài, ngắn, sinh tử, Niết-bàn, có một

mảy may thì không nhân nhau, không nhân nhau thì phá Nhân Duyên, phá trung đạo. Nếu không có một mấy may thì “nhân”, “pháp” cũng không thể nhân nhau, thì có thể nói là chánh quán vi diệu, luống dối dễ khuyh đảo.”

“Hỏi rằng: v.v... trở xuống là sinh phần thứ ba, nói lên lỗi không có nhân.

Trong đáp có ba kệ, được chia làm hai:

Kệ đầu nói riêng về lỗi không có nhân.

Nửa hàng tiếp theo là, tổng kết, nói riêng, trong đó có mười lỗi, đó là nhân quả, “nhân”, “pháp”, tội phước. Và báo của tội, phước thế gian, xuất thế gian; tức là không có nhân, không có quả, nghĩa là “người” không do pháp, thì không có nhân của pháp, không có nhân của pháp, thì không có người, pháp quả này cũng vậy.”

Hỏi: “Trước đã nói không có nhân quả, vì sao lại nói không có tội, phước và báo của tội, phước ư?”

Đáp: “Ở trước kia nói không có nhân quả như chiếc bình v.v... trong pháp ngoại. Sau, nói không có nhân quả của pháp nội. Lại, dựa theo nghĩa của người Số luận. Về sau, chỉ nói không có nhân quả của nhân báo. Trước, nói chung nhân quả của năm nhân còn lại. Thành Thật cũng vậy. Sau, nói không có nhân quả của nhân báo, trước đã nói nhân quả của tập nhân và dựa vào nhân quả của nhân.”

Hỏi: “Văn luận hoặc nói Niết-bàn của trời; hoặc nói Đại Niết-bàn thì Niết-bàn nào đúng ư?”

Đáp: “Đại là đúng. Vì báo của tội, phước ở trước, đã nói báo của trời xong.”

Văn xuôi được chia làm hai:

1) Giải thích “nhân”, “pháp” đều có, rơi vào vô nhân, vô nhân có mười lỗi:

Từ “Hỏi rằng v.v... trở xuống, chứng tỏ Luận chủ chỉ nói về lỗi “nhân” “pháp” đều “có”, không nói ý đều “không” lỗi. Đều có, hãy còn có lỗi, huống chi đều “không” ư?, nên không cần phải biểu thị lỗi của “không”. Lại, Thanh Mục muốn trình bày đủ lỗi đều “có”, đều “không”. “Phát v.v... trở xuống, là phá đầu mỗi của nửa “có”, nửa “không”.”

Hỏi: “Nếu không có tác giả, không có tác nghiệp thì không thể có đối tượng tạo tác v.v... trở xuống, là môn thứ hai, phá nửa “có”, nửa “không”. Người ngoài cho rằng: “Con người nửa “có” có thể khởi nghiệp; người nửa không là nghiệp thành. Nửa nghiệp có năng lực thành



con người; nửa nghiệp không có cần con người khởi. Nếu vậy, thì lẽ ra có nghiệp người.”

Hỏi: “Lẽ ra phải lập nửa “có”, nửa “không”, sao chỉ nói “có” ư?”

Đáp: “Vì có hai nghĩa:

1) Đối với văn xuôi, nói hai “không”, nên gọi là “có”.

2) Lược nêu “nửa có”, thì “nửa không có” có thể biết.

Hỏi: ““Nửa có”, “nửa không có” là chấp gì ư?”

Đáp: ““Nhân”, “pháp” đủ hai đế: Bên nghĩa thế đế, tức là “nửa có”; bên nghĩa chân đế, là “nửa không có”. Lại, Khai Thiện nói: “Người giả, không có “thể”, có “dụng”. Nghĩa không có tự “thể” là “nửa không có”; Nghĩa có “dụng”, gọi “nửa có”. Pháp giả cũng vô “thể”, có “dụng”, đồng với thuyết nói nghĩa của người. Lại, một người có đủ giả, thật: pháp thật diệt là “nửa không”; pháp giả nối tiếp nhau là “nửa có”, đây là chung cho các sư.

Nửa trên của bài kệ, chính là nhắc lại mà phá; nửa bài kệ dưới, là giải thích, phá.

Nói trái nhau: gồm có hai thứ:

1) Người, nghiệp đều trái.

2) Hợp trái, đều trái: người có trái, người không. Người không có trái, người có. Nghiệp cũng vậy.

Hợp trái: Người có trái, nghiệp không ; người không trái, nghiệp có; nghiệp không có trái, người có; nghiệp có trái, người không.

Lại nữa, cái “có” không thể làm “không”. Phần thứ tư, môn một “có”; một “không”, phá. Không có nghĩa tương tác. Một “có”, một “không nghĩa là”: Người “có”, mà nghiệp “không”. Người cũng là “không”, mà nghiệp là “có”.

Hỏi: “Đây là nghĩa gì?”

Đáp: “Như Bản trụ nói: “Chưa có các như căn mắt tai v.v..., trước đã có bản trụ, đây là có người mà không có nghiệp. Sư Luận Thành Thật nói: “Ba tâm trước chỉ có “pháp”, chưa có “người”, đây là có “pháp”, không có “người”. Lại, như người đời nói: “Lúc chưa tạo tác nghiệp thiện, ác là đã có con người rồi, đây là có “nhân”, không có “pháp”.” Tỳ-đàm rằng: “Vị lai có “pháp”, chưa có tên “người”, đây là có “pháp” không có “người”. Lại, như kinh nói: ““Ngã” “không”; tạo tác “không”; người thọ “không”. Nghiệp thiện, ác cũng hư mất, cũng là có “pháp”, không có “người”. Lại, như sư Luận Thành Thật giải thích nghĩa diệt độ rằng: “Pháp” diệt, “người” độ, lại là có “nhân” mà không

có “pháp”. Lại việc thiện, nên gọi là thiện nhân. Nếu chưa làm việc thiện thì không gọi thiện nhân. Hai tánh còn lại cũng vậy, đây là có “pháp”, mà không có “nhân”.

Kệ được chia làm hai:

Nửa bài kệ trên, chính là phá; nửa bài kệ dưới, chỉ cho trước phá, rằng: “Có” không ngoài “có” hoàn toàn, có phân nửa; “không” không ngoài “không” “hoàn toàn” và không có “phân nửa”.

Trên đã phá xong, đã chẳng có “có”, “không”, thì đâu có tương tác. “Tác giả”, không tác, nhất định v.v... trở xuống, phần thứ tư, môn một, ba:

Từ trước đến đây, là phá lìa, nay là phá hợp:

Hai kệ được chia làm hai:

Kệ đầu, nói một người không thể tạo ba nghiệp. Bài Kệ tiếp theo là, nói ba người không thể tạo một nghiệp.

Một người không tạo ba nghiệp: Trong ba thứ, nêu bất cứ một người nào; hoặc có người, hoặc không có người. Hoặc nửa “có”, nửa “không” người.

Có người không tạo tác ba nghiệp: Con người là “có”; nghiệp đã “không”, thì không thể tạo tác. Nghiệp “đã có”, thì không cần tạo tác. “Nửa có” đồng với “có”; nửa “không”, đồng với “không”.

Kệ tiếp theo là nói: “Ba người không thể tạo một nghiệp: là bất cứ một người nào trong ba người.”

Hỏi: “Nếu không có tác, tác giả, từ trước đến đây, đã phá kiến chấp có “nhân”, “pháp”. Dưới đây là phần thứ hai, phá kiến chấp không có “nhân”, “pháp”, hoặc tác ý, trình bày, phá.

Từ trước đến đây, đã phá bệnh. Nay, trình bày kinh. Cuối phẩm Tam tướng, một bài kệ trình bày kinh. Bảy phẩm phá chấp, bởi bệnh chấp đã nặng. Trước đây, phải phá rộng chưa được, lại vì nghĩa tạo tác của người ngoài. Lại dẫn huyễn hoá để làm sáng tỏ. Đến phẩm Tác giả, bệnh chấp hơi giảm. Thời gian trong mỗi phẩm, nêu ra một, hai câu quan trọng yếu, để cho người ngoài kia nhận thức được nghĩa giả danh trong Nhân Duyên của kinh Phật.

Văn, chia làm hai: Đầu tiên là hỏi; kế là đáp.

Hỏi: “Nay, ngoại đạo vượt qua vô nhân của Luận chủ với, có khác gì vượt qua không có nhân của người ngoài, hay chăng?”

Đáp: “Người ngoài: “Trước có “nhân”, có “pháp”, “nhân”, “pháp” đều thành, vì không cần nhân nhau, nên rơi vào vô nhân.”

“Nay, nói đều không có “nhân”, “pháp”, nên không thể nhân

nhau, vì vậy nêu khác?”

Đáp: “Nghịệp này từ các duyên sinh v.v... trở xuống, là phần thứ hai, đáp. Trước, văn xuôi; kế là kệ.

Phá chấp này, gồm có ba thể:

1) Ông nói “Có” nhân đã không thành, há được “không nhân”? năm quan điểm như thế đều không thể được.

2) “Có”, “không” đều phát ra từ tâm ông. Ông vừa cho là ‘có’, đã tìm kiếm “có” chẳng từ đâu, rồi lại thấy “không”. Đây đều là cái “có”, “không” của ông chẳng quan hệ với ta.

3) Từ trước đến đây, đã nói “không”, nghĩa là không có năm thứ “nhân” “pháp” mà ông đã chấp, chẳng phải không có “nhân”, “pháp” của Nhân Duyên giả gọi. Một ý đáp này có nhiều môn:

1) Trên đã nói không có “nhân”, không có “pháp”, tức là pháp chấp “có” của người ngoài. Nay, nói giả gọi “nhân”, “pháp”, tiếp nối với tâm đoạn của họ, biểu thị rõ nghĩa chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường.

2) Trên đã nói chẳng phải “nhân”, chẳng phải pháp, tức là Trung đạo. Nay, nói về Nhân Duyên của “nhân”, “pháp” gọi là giả gọi, đây tức là nghĩa trung trước giả, giả sau trung.

3) Trên đã nói chẳng phải “nhân”, “pháp”, tức là tánh “không”. Nay, nói về “nhân” “pháp” của Nhân Duyên, tức là “không” của Nhân Duyên, nên được có “nhân”, “pháp”, nên Sơn Trung xưa nói: “Lập tất cả pháp ở trong tánh “không”.

4) Trên đã nói không có “nhân”, “pháp”, ở đây, nói về thế đế phá tánh, nói “không” tức là trung đạo thế đế. Nay, nói “nhân”, “pháp” của Nhân Duyên, tức là Trung đạo. “Nhân”, “pháp” của Nhân Duyên thế đế, không hề có “nhân”, “pháp”, tức là chẳng phải “nhân”; chẳng phải “pháp”, gọi là Nhân Duyên “không”, tức là Trung đạo của chân đế.”

Hỏi: “Ở đây chỉ nói “nhân”, “pháp” của Nhân Duyên. Chỗ nào có văn “chẳng phải nhân”, chẳng phải pháp ư?”

Đáp: “Văn được biểu thị rõ ở văn xuôi sau kệ.

5) Trên đã nói không có năm thứ “nhân”, “pháp”, tức là phá bệnh. Nay nói về “nhân”, “pháp” của Nhân Duyên tức là trình bày kinh.

Kệ được chia làm hai: Đầu tiên, có ba câu nói có “nhân”, “pháp” của Nhân Duyên, lại không có một câu của sự khác. Ở đây nói lại không có năm thứ “nhân”, “pháp” của người ngoài.

Lời giả nói trong chương đầu của một sư đều là dựa vào phẩm Tác giả, văn này đã thể hiện rõ: Lỗi của bốn đời ở chương đầu, tức là nghĩa

không nhân nhau của “nhân”, “pháp” của người ngoài thuộc lỗi trước. Cái được của bốn đôi tức là nghĩa nhân nhau của “nhân”, “pháp” của văn này, nên lời nói của chương đầu, khởi từ văn này.

Trung giả khởi từ phẩm này: nói “nhân”, “pháp”, trong tánh của người ngoài không thể được, chẳng phải “nhân”, chẳng phải “pháp”, tức là nghĩa “trung” trước giả.

“Nhân”, “pháp” của Nhân Duyên, tức nghĩa giả trước trung. “Nhân”, “pháp” của Nhân Duyên, tức là chẳng phải “nhân”, chẳng phải “pháp”, gọi là nghĩa “trung” sau giả. Chẳng phải “nhân”, chẳng phải “pháp”, giả gọi “nhân”, “pháp”, tức nghĩa giả sau trung, mà ba Luận sư dù tụng lời nói trung giả của chương đầu, nhưng vì không biết chỗ văn, nên nay lược chỉ bày.

Văn xuôi nói rằng: “Nghiệp, trước quyết định “không”: đây là nghiệp, trước không có quyết định. Ngoài ra, đều dễ biết.

“Lại nữa, như phá tác, tác giả v.v... trở xuống, là phần thứ hai, kể là phá thọ, thọ giả, sinh khởi như trước.

-----